

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 01/2019/QĐ-PT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM VÀ
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Thẩm phán: - Bà **Đặng Thị Đồng**;

- Bà **Nguyễn Thanh Minh Châu**.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án Dân sự sơ thẩm số 148/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo như sau:

Ngày 04-12-2018, anh Lâm Văn L, chị Đặng Ngọc Ph kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh L, chị Ph.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà phúc thẩm anh Lâm Văn L, chị Đặng Ngọc Ph xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; bị đơn bà Võ Mỹ L đồng ý với việc rút đơn khởi kiện và rút kháng cáo của nguyên đơn.

Việc rút đơn khởi kiện, rút đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đồng ý, là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số 148/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T và đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 14/2019/TLPT-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2019, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lâm Văn L**, sinh năm 1976 và chị **Đặng Ngọc Ph**, sinh năm 1980; cùng cư trú tại: Số 503, đường C, kp6, P3, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp cho anh L, chị P: Bà **Lê Thị Kiều D**, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh T (theo Văn bản ủy quyền ngày 04-7-2018).

Bị đơn: Bà **Võ Mỹ L**, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 501, đường C, kp6, P3, thành phố T, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, là Luật sư của Công ty TNHH MTV Luật BML, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; cư trú tại: Khu phố N, phường Ns, thành phố T, tỉnh T.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

2.1. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Anh Lâm Văn L, chị Đặng Ngọc Ph phải chịu 6.600.000 đồng (*sáu triệu, sáu trăm nghìn*) đồng. Ghi nhận anh L, chị Ph đã nộp xong.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh L, chị Ph phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng. Ghi nhận bà Võ Mỹ L đã tạm nộp và chi phí xong nên buộc anh L, chị Ph có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lâm Văn L, chị Đặng Ngọc Ph phải chịu 5.729.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh L, chị Ph đã nộp 1.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0005733 ngày 17-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Anh L, chị Ph còn phải nộp thêm số tiền 4.479.000 (*bốn triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn*) đồng.

2.4. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lâm Văn L, chị Đặng Ngọc Ph phải chịu 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh L, chị Ph đã nộp theo Biên lai thu số 0006247 ngày 05-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T. Số tiền còn thừa lại 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng được hoàn trả lại cho anh L, chị Ph.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh TN;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(*đã ký*)

Nguyễn Quốc Tuấn